

Số: 26/2022/DS-ST

Ngày: 27-01- 2022

V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 10, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Nhất Dũng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Cù Thụy Phương Trang

2. Bà Nguyễn Thị Thu Hằng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thảo Sương – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Thế Đức - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 01 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 111/2021/TLST-DS ngày 26 tháng 02 năm 2021 về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 129/2021/QĐXXST-DS ngày 16 tháng 12 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 09/2022/QĐST-DS ngày 06 tháng 01 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ngân hàng Thương mại cổ phần S.

Trụ sở: Đường M, phường N, Quận P, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Nguyễn Ngọc M – Theo văn bản ủy quyền số 1401/2020/UQ-TTT ngày 29/12/2020 (Có đơn xin vắng mặt).

2. *Bị đơn:* Ông Đào Ngọc H, sinh năm 1979 (vắng mặt)

Địa chỉ: Đường X, Phường 12, Quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 29/12/2020 của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần S và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, ông Nguyễn Ngọc M đại diện nguyên đơn trình bày:

Ngày 01/3/2011, ông Đào Ngọc H và Ngân hàng Thương mại cổ phần S (sau đây gọi tắt là Ngân hàng) ký hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản điều khoản điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng ngân hàng). Căn cứ thu nhập của ông H, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng hạn mức là 50.000.000 đồng, mục đích tiêu dùng cá nhân. Sau khi được cấp thẻ tín dụng ông H đã sử dụng để thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 48.236.163 đồng.

Trong quá trình sử dụng thẻ, ông H đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 15.180.000 đồng (Thứ tự thanh toán căn cứ theo Điều 20 của Bản điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng ông H vẫn không có thiện chí trả nợ, vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên ngày 21/01/2012 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn.

Nay ngân hàng Thương mại cổ phần S yêu cầu Tòa án buộc ông Đào Ngọc H phải trả số tiền nợ tạm tính đến ngày 05/8/2020 là 204.345.443 đồng (trong đó nợ gốc là 46.922.852 đồng và lãi quá hạn là 157.422.591 đồng), thực hiện ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật và lãi suất tiếp tục phát sinh theo thoả thuận cho đến khi trả dứt nợ.

Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến khi đưa vụ án ra xét xử, Tòa án đã tiến hành triệu tập bị đơn đến Tòa để tiến hành mở phiên họp công khai chứng cứ, hoà giải và tham gia phiên tòa nhưng bị đơn đều vắng mặt không có lý do và cũng không có ý kiến phản đối.

Tại phiên tòa, Ngân hàng Thương mại cổ phần S xin được vắng mặt và giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Ngân hàng cung cấp bản sao kê tính đến ngày 27/01/2022 số tiền ông Đào Ngọc H còn nợ là 231.584.123 đồng (trong đó nợ gốc là 46.922.852 đồng và lãi quá hạn là 184.661.271 đồng).

Bị đơn vắng mặt không có ý kiến.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 10 phát biểu quan điểm:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử: Từ giai đoạn thụ lý vụ án đến khi nghị án đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn đã thực hiện đúng và đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn đã được triệu tập họp lệ nhưng vẫn vắng mặt tại các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và đã được triệu tập họp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Đề nghị Tòa án căn cứ vào khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự.

Về nội dung: Căn cứ Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng được ký kết giữa ngân hàng với ông Đào Ngọc H, việc thực hiện giao dịch trên là do các bên hoàn toàn tự nguyện nên được pháp luật bảo vệ. Quá trình sử dụng thẻ ông H vi phạm nghĩa vụ thanh toán về tiền nợ gốc và lãi nên đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1]. Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án, quan hệ pháp luật và tư cách tham gia tố tụng của đương sự: Căn cứ đơn khởi kiện của nguyên đơn ngân hàng Thương mại cổ phần S yêu cầu bị đơn trả số tiền nợ thẻ tín dụng nên có cơ sở xác định quan hệ tranh chấp giữa hai bên là “Tranh chấp về hợp đồng tín dụng”. Bị đơn có nơi cư trú cuối cùng tại Quận Z nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Xét, ông Nguyễn Ngọc M đại diện uỷ quyền của nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn ông Đào Ngọc H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự.

[2]. Xét yêu cầu của nguyên đơn:

Theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng của Ngân hàng Thương mại cổ phần S với ông Đào Ngọc H được giao kết hợp pháp vì có nội dung và hình thức phù hợp với quy định của pháp luật.

Căn cứ vào Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng hai bên ký kết quy định về trách nhiệm thanh toán tất cả các khoản tiền đã giao dịch và các khoản phí, lãi và các chi phí phát sinh nếu không thanh toán đúng hạn cho Ngân hàng.

Căn cứ bản sao kê ngày 05/8/2020 của ngân hàng S cung cấp thể hiện: Ông Đào Ngọc H đã sử dụng thẻ tín dụng trên để thực hiện nhiều giao dịch cá nhân với tổng số tiền là 48.236.163 đồng, chỉ mới thanh toán được tổng cộng số tiền 15.180.000 đồng (Thứ tự thanh toán căn cứ theo Điều 20 của bản điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của ngân hàng).

Ngày 21/01/2012 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn. Tại Điều 23 của điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng kiêm hợp đồng có quy định “Việc không

thanh toán ít nhất số tiền tối thiểu của chủ thẻ đến kỳ phát hành thông báo tiếp theo sẽ tạo nên sự vi phạm theo hợp đồng, trường hợp này, toàn bộ tổng dư nợ sẽ tạo nên nợ đến hạn ngay lập tức mà chủ thẻ phải thanh toán”. Như vậy, ông H không thanh toán số tiền còn lại đã vi phạm thỏa thuận tại hợp đồng mà các bên đã ký kết. Do đó, Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn phải thanh toán số tiền nợ gốc.

Xét yêu cầu bị đơn thanh toán tiền lãi:

Theo Điều 22 và Điều 23 của Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng S áp dụng tính lãi quá hạn khi vi phạm nghĩa vụ trả nợ đối với loại thẻ tín dụng mà ông H đang sử dụng là “áp dụng lãi suất nợ quá hạn là 150% của lãi suất được công bố áp dụng tại thời điểm hiện tại”, như vậy theo thỏa thuận ông H phải chịu lãi suất 3.225%/tháng ($150\% \times 2.15\%/tháng$). Nguyên đơn yêu cầu ông H trả tiền lãi quá hạn là 184.661.271 đồng là phù hợp với quy định tại khoản 5 Điều 474 Bộ luật Dân sự năm 2005 và Điều 91, 98 của Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010.

Như vậy, lãi suất sẽ được tiếp tục tính kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi bị đơn thanh toán xong nợ, theo mức lãi suất và mức phí quy định trong Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng mà các bên đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng.

Do thời hạn bị đơn không thanh toán số tiền còn thiếu cho Ngân hàng S đã lâu làm ảnh hưởng tới quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn. Do đó, nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán ngay số tiền còn thiếu là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3]. Án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí theo quy định tại theo quy định tại khoản 1 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 91, Điều 98 của Luật các Tổ chức Tín dụng năm 2010;

- Căn cứ khoản 5 Điều 474 của Bộ luật Dân sự năm 2005;

- Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc ông Đào Ngọc H có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng Thương mại cổ phần S số tiền là 231.584.123 (Hai trăm ba mươi một triệu, năm trăm tám mươi bốn ngàn, một trăm hai mươi ba) đồng, [trong đó, nợ gốc là 46.922.852 (Bốn mươi sáu triệu, chín trăm hai mươi hai ngàn, tám trăm năm mươi hai) đồng, tiền lãi quá hạn là 184.661.271 (Một trăm tám mươi bốn triệu, sáu trăm sáu mươi một ngàn, hai trăm bảy mươi một) đồng].

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quá hạn các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng.

Thi hành ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Án phí dân sự sơ thẩm là 11.579.206 (Mười một triệu, năm trăm bảy mươi chín ngàn, hai trăm lẻ sáu) đồng, ông Đào Ngọc H phải chịu.

Hoàn lại cho Ngân hàng Thương mại cổ phần S số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 5.108.636 (Năm triệu, một trăm lẻ tám ngàn, sáu trăm ba mươi sáu) đồng, theo biên lai thu tiền số 0049982 ngày 03/02/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được nhận hoặc được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM,
- VKSND Q.10,
- Chi cục THADS Q.10,
- Các đương sự,
- Lưu VP, hồ sơ

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Nhất Dũng